

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 – 10 – 2021  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Ông Ngô Văn Khon.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2020, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, số: 195/TB-TA ngày 26/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa, số: 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, số: 212/TB-TA ngày 06/10/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số \*\*, tổ \*\*, ấp \*\*, xã MT, thành phố CL, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp về con chung, tài sản chung và nợ chung của chị Phạm Thị Ngọc N: Anh Vũ TA, sinh năm 1970; địa chỉ: Số \*\*, đường CL, Phường \*\*, thành phố CL, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2020).

**- Bị đơn:** Anh Lê Thanh B, sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: Số \*\*, lô \*\*, cụm dân cư ấp \*\*, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

*Anh Vũ TA, anh Lê Thanh B có mặt tại phiên tòa; chị Phạm Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa có lý do.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc N trình bày:***

- *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Ngọc N và anh Lê Thanh B tổ chức lễ cưới ngày 02/3/2015, khi đó chị N 15 tuổi, vì thế, không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới chị N và anh B chung sống hạnh phúc và sinh sống bên gia đình anh B. Đến khi chị N sinh cháu B1, vợ chồng ra ở riêng gần cha, mẹ anh B. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh B không có việc làm ổn định, thu nhập không ổn định, thường xuyên đi nhậu, không lo cho vợ con.

Khoảng tháng 10/2018, chị N và anh B sống ly thân, chị N về sống chung với cha, mẹ ruột tại xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung.

Nay chị Phạm Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh B.

***Chị Phạm Thị Ngọc N ủy quyền cho anh Vũ TA về con chung, tài sản chung và nợ chung, anh TA trình bày:***

- *Về con chung:* Chị N và anh B có một con chung tên Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016. Do chị N và anh B không đăng ký kết hôn nên khi làm Giấy khai sinh cho cháu B1 tại Ủy ban nhân dân xã AP, huyện TB thì anh B không khai phần họ tên mẹ. Hiện nay, cháu B1 đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi cháu Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, với mức cấp dưỡng là ½ tháng lương cơ sở của Nhà nước, đến khi cháu B1 thành niên và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### ***Bị đơn anh Lê Thanh B trình bày:***

- *Về hôn nhân:* Anh Lê Thanh B thống nhất, chị N và anh B tổ chức lễ cưới ngày 02/3/2015, khi đó chị N 15 tuổi, vì thế không có đăng ký kết hôn.

Sau lễ cưới, chị N và anh B chung sống hạnh phúc đến khi chị N sinh cháu B1. Sau khi sinh cháu B1 thì anh B và chị N đi làm ăn xa gửi cháu B1 cho cha, mẹ anh B nuôi dưỡng. Khi cháu B1 được 8 tháng tuổi thì chị N không còn chung sống với anh B và cháu B1. Từ đó, anh B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B1.

Ngày 24/01/2020, chị N đến nhà thăm cháu B1 và xin gia đình anh B cho cháu B1 về thăm gia đình chị N vài ngày, anh B và gia đình anh B đồng ý. Tuy nhiên, từ ngày 24/01/2020 đến nay chị N không trả cháu B1 cho anh B.

Nay anh Lê Thanh B đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc N.

- *Về con chung*: Anh B và chị N có một con chung tên Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016. Hiện nay, cháu B1 đang sống chung với chị N. Anh B đồng ý để chị Phạm Thị Ngọc N tiếp tục nuôi cháu Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016, anh B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, với mức cấp dưỡng là  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ sở của Nhà nước, đến khi cháu B1 thành niên và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

*Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa*: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

*Việc giải quyết vụ án*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc N.

- *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc N và anh Lê Thanh B.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016 cho chị Phạm Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N và anh B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh B về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016, với mức cấp dưỡng hàng tháng là  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định từ tháng 11/2021 đến khi cháu Lê Thanh B1 thành niên và có khả năng lao động.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm*:

- Giấy khai sinh của Phạm Thị Ngọc N (Bản sao chứng thực);
- Trích lục khai sinh của Lê Thanh B1 (Bản sao).
- Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, số: 08 ngày 11/8/2021 của Công an huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Thanh B cư trú tại Số \*\*, lô \*\*, cụm dân cư ấp \*\*, xã AP, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh B.

Xét thấy, chị N và anh B chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Mặt khác, trong quá trình chung sống chị N và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh B không có việc làm ổn định, thu nhập không ổn định, giữa anh B và chị N bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con chung. Hơn nữa, tại phiên tòa anh B xác định giữa anh B và chị N không còn tình cảm với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị N và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị N và anh B không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc N yêu cầu được nuôi cháu Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, mỗi tháng là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở của Nhà nước, đến khi cháu B1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Xét thấy, người đại diện hợp pháp của chị N là anh TA và anh B thừa nhận, hiện nay chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B1. Hơn nữa, tại phiên tòa anh B cũng thống nhất để chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu B1. Do đó, để tránh thay đổi môi trường sống và đảm bảo cho cháu B1 có sự phát triển cả về vật chất và tinh thần. Cho nên, giao con chung tên Lê Thanh B1 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Xét thấy, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Mặt khác, tại phiên tòa anh B cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Do đó, chị N yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đến khi cháu B1 thành niên và có khả năng lao động là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Người đại diện hợp pháp của chị N là anh TA và anh B đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình; anh B phải chịu tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc N.

- *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Ngọc N và anh Lê Thanh B.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016 cho chị Phạm Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N và anh B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh B về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thanh B1, sinh ngày 15/7/2016, với mức cấp dưỡng hàng tháng là  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định từ tháng 11/2021 đến khi Lê Thanh B1 thành niên và có khả năng lao động.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số: 0008372 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị N đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Buộc anh Lê Thanh B phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**  
**Võ Văn Hồng Biên**